

Bản án số: **25/2018/HC-PT**

Ngày 24 tháng 01 năm 2018

V/v: Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản
lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên cao cấp.

Hôm nay, ngày **24** tháng **01** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 167/2017/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/05/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167D/2017/QĐXXPT-HC ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trần Xuân D**, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông **Đặng Trường N** – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV S - Q, Đoàn luật sư tỉnh Bình Định. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Cao T**, chức vụ: Phó chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền số 22/GUQ-UBND ngày 11/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định). Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Đoàn Thị S**, sinh năm 1923

3.2. Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Nhà số 55/12 (số cũ 223/3) đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Bà S vắng mặt, bà L có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị S:

Ông **Trần Xuân D**. Có mặt.

3. Hợp tác xã xây dựng X Q (đã giải thể).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, ông Trần Xuân D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo ông Trần Xuân D trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 55/12 nguyên là do cha ông D là cụ Trần Đ mua lại của ông Nguyễn Văn T (làm nghề thầu xây dựng) từ năm 1964, với diện tích 130m² trên thửa đất 700m². Đến năm 1973, tại khu vực trên xảy ra vụ hỏa hoạn lớn, cháy hơn 1.000 căn nhà, trong đó có căn nhà 55/12 của gia đình ông. Vụ cháy đã thiêu rụi toàn bộ tài sản, vật dụng trong nhà, kể cả giấy tờ mua nhà từ ông Nguyễn Văn T. Sau vụ cháy, cha ông D sửa chữa lại nhà số 55/12 (vì nhà được xây dựng kiên cố bằng bê tông nên không hỏng hoàn toàn) và cả gia đình ông tiếp tục ở lại đây, có sổ gia đình đầy đủ. Gia đình ông là một trong những hộ đến sinh sống lâu nhất tại đây và quá trình tạo lập nhà và sử dụng nói trên có nhiều bà con trong khu vực biết. Như vậy, nhà số 55/12 do cha ông D là cụ Trần Đ tạo lập, có nguồn gốc rõ ràng, không phát sinh tranh chấp quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất với bất kỳ ai. Và như vậy, theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước, có đủ căn cứ pháp lý để Nhà nước công nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại số 55/12 cho gia đình ông.

Sau ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, gia đình ông vẫn sinh sống bình thường tại ngôi nhà 55/12 nói trên. Tuy nhiên, ngày 06/9/1976, không hiểu vì lý do gì mà Hợp tác xã xây dựng X mời cha ông đến trụ sở Hợp tác xã và yêu cầu giao 02 căn phòng nhà 55/12 cho Hợp tác xã sử dụng. Tại biên bản bàn giao nhà lập lúc 19 giờ 30 phút ngày 06/9/1976, cha ông không đồng ý với nội dung biên bản, ông không chấp nhận việc giao nhà 55/12 cho Hợp tác xã và không ký vào biên bản. Tuy nhiên, người của Hợp tác xã xây dựng X vẫn lần

chiếm sử dụng 02 căn phòng nhà ở của gia đình ông, chỉ dành phần còn lại cho gia đình ông 01 căn phòng vốn vẹn 24,7m².

Trên thực tế, Hợp tác xã X chỉ sử dụng 02 căn phòng nhà số 55/12 làm nhà kho một thời gian rồi bỏ đi vì không có nhu cầu. Sau đó, gia đình ông tiếp tục quản lý, sửa chữa và sử dụng toàn bộ căn nhà 55/12 ổn định liên tục cho đến nay.

Việc Hợp tác xã xây dựng X yêu cầu gia đình ông giao 02 căn phòng nhà 55/12 là hết sức vô lý, gia đình ông không đồng ý nên khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định và ngày 05/03/1998 UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 738/1998/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ ở N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Công nhận gia đình ông Trần Đ là người đang ở hợp pháp ngôi nhà N, thành phố Q từ trước năm 1975 đến nay, do đó muốn sở hữu ngôi nhà trên phải làm đầy đủ thủ tục để được công nhận quyền sở hữu nhà và quyết định sử dụng đất ở theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Việc ban hành Quyết định số 738/1998/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định là hoàn toàn có căn cứ pháp lý và phù hợp với thực tế, nhưng sau đó lại ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X tại số đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ông D không đồng ý với việc ban hành Quyết định trên, vì đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, do đó ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định: Đại diện theo ủy quyền, ông Phan Cao Thắng trình bày:

Nguồn gốc của ngôi nhà số đường N, phường T nay là số N, phường N, thành phố Q nguyên trước đây là của ông Nguyễn Văn T, do làm ăn thua lỗ nên năm 1965 ông T vào Miền Nam, giao lại ngôi nhà cho ông Trần Đ (cha của ông Trần Xuân D) là người làm công. Năm 1973, ngôi nhà bị hỏa hoạn, ông Trần Đ đã sửa chữa lại sử dụng cho đến năm 1976 giao lại cho Hợp tác xã xây dựng X quản lý 02 căn phòng diện tích 76,05m²; ông Trần Đ ở phòng còn lại diện tích 24,7m².

Ngày 06/9/1976, Hợp tác xã xây dựng X đã lập biên bản đề nghị ông Trần Đ làm giấy giao 02 căn phòng diện tích 76,05m² cho Hợp tác xã xây dựng X sử dụng.

Ngày 02/10/1982, ông Đ có đơn gửi UBND thị xã Q xin lại nhà, nhưng chưa được giải quyết, ngày 19/01/1983 UBND phường T có giấy báo số 06/TB-UB về việc thu hồi 02 căn phòng trên.

Ngày 15/01/1994, UBND phường T có Tờ trình số 01/TT-UB đề nghị thu hồi nhà vắng chủ ở hẻm 3 đường N, thành phố Q. Đến ngày 05/3/1997, HTX X đề nghị UBND phường T đến kiểm kê và tiếp tục quản lý; tuy nhiên đến ngày 03/9/1997 ông Đ đập tường, trở cửa từ phòng ông ở sang 02 phòng do HTX X quản lý sử dụng trước đây.

Ngày 17/9/1997, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 863/QĐ-UB cưỡng chế gia đình ông Trần Đ ra khỏi 02 căn phòng đã bị ông chiếm ở bất hợp pháp, nhưng không thực hiện việc cưỡng chế được.

Ngày 29/9/1997, UBND tỉnh giao cho Thanh tra tỉnh và Sở Xây dựng kiểm tra lại toàn bộ sự việc. Sau khi kiểm tra, Thanh tra tỉnh có Văn bản số 26/CV-TTr ngày 07/02/1998 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ theo hướng đề nghị công nhận quyền sở hữu nhà, đất ở cho ông Trần Đ đối với ngôi nhà đường N, thành phố Q.

Ngày 05/3/1998, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 738/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ về ngôi nhà N, thành phố Q, với nội dung ngôi nhà trên không phải do nhà nước quản lý, do đó muốn sở hữu ngôi nhà trên phải làm đầy đủ thủ tục để công nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất ở theo quy định của Nhà nước.

Sau đó UBND tỉnh nhận được các kiến nghị khác nhau của các hộ dân khu vực 8, phường N với nội dung: Đại diện một số cán bộ cho rằng ngôi nhà đường N không phải là nhà ông Trần Đại ở hợp pháp từ trước năm 1975 đến nay và yêu cầu Nhà nước quản lý ngôi nhà này. Một số cho rằng gia đình ông Trần Đ là người ở hợp pháp ngôi nhà đường N từ trước năm 1975 và không có ai tranh chấp ngôi nhà này.

Ngày 13/5/1998, UBND tỉnh có văn bản số 916/UB-NC yêu cầu Thanh tra tỉnh phối hợp với Sở Xây dựng, UBND thành phố Q và UBND phường N tiếp tục xác minh làm rõ tính pháp lý của ngôi nhà trên.

Trên cơ sở báo cáo và kết quả kiểm tra, UBND tỉnh có Quyết định số 3197/QĐ-UB ngày 20/9/2001 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân D với nội dung:

- Ngôi nhà đường N thuộc khu vực 8, phường N, thành phố Q có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T xây dựng và sử dụng trước đây, sau đó gia đình ông Trần Đ quản lý, sử dụng 01 phòng, diện tích 24,70m² liên tục từ năm 1964 đến nay; do đó, phân diện tích này gia đình ông Trần Đ được làm thủ tục để công nhận quyền sở hữu theo quy định.

- Đối với 02 phòng 76,05m² gia đình ông Trần Đ quản lý và sử dụng từ năm 1964, nhưng đến năm 1976 ông Trần Đ đã giao cho Nhà nước quản lý và sử dụng từ đó đến nay; do đó 02 phòng trên thuộc sở hữu Nhà nước.

- Giao UBND phường N trực tiếp quản lý sử dụng 02 phòng có diện tích 76,05m² thuộc ngôi nhà N và toàn bộ diện tích xung quanh ngôi nhà, sử dụng vào mục đích công cộng.

Sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại, gia đình ông Trần Xuân D vẫn không chấp hành Quyết định số 3197/QĐ-UB ngày 20/9/2001 của UBND tỉnh Bình Định mà khiếu nại đến Bộ Xây dựng.

Ngày 16/7/2004, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1168/QĐ-BXD về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân D, với nội dung: Công nhận Quyết định số 3197/QĐ-UB ngày 20/9/2001 của UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân D.

UBND tỉnh Bình Định đã có công văn yêu cầu Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh, UBND thành phố Q, UBND phường N, thành phố Q và các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ để có phương án giải quyết dứt điểm vụ ông Trần Xuân D.

Căn cứ vào văn bản số 1463/SXD-Tra ngày 10/12/2015 và văn bản số 14/SXD-QLN ngày 07/01/2016 của Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 về việc xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X tại số đường N, thành phố Q.

Việc ông Trần Xuân D yêu cầu hủy Quyết định trên là không có cơ sở và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND tỉnh không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định trên của ông Trần Xuân D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị S, Bà Đỗ Thị L ủy quyền cho ông Trần Xuân D trình bày:

Thống nhất như trình bày và yêu cầu của người khởi kiện, ngoài ra không có yêu cầu hay trình bày nào khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, 32 và Khoản 1, Điều 158, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá

trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân D yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X tại số đường N, thành phố Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2017 ông Trần Xuân D (người khởi kiện) và bà Đỗ Thị L (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của ông, bà về việc khởi kiện Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 3/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; tuyên hủy toàn bộ Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 3/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X tại số đường N, thành phố Q (sau đây gọi tắt là Quyết định 604); đồng thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu hợp pháp nhà và quyền sử dụng đất ở cho gia đình đối với toàn bộ căn nhà 55/12.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại quá trình sử dụng và quản lý nhà 55/12 của ông Trần Đ (nay là ông Trần Xuân D) để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D và bà L. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 3/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; đồng thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu hợp pháp nhà và quyền sử dụng đất ở cho gia đình đối với toàn bộ căn nhà 55/12 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình định thì thấy:

[1.1]. Nguồn gốc ngôi nhà đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình định (nay là số 55/12) các bên đều thừa nhận là của ông Nguyễn Văn T, nhưng ông Trần Xuân D thì cho rằng năm 1960, cha của ông là ông Trần Đ đã mua lại ngôi nhà này của ông Nguyễn Văn T và sử dụng liên tục từ đó đến năm 1975; năm 1973 tại khu vực nhà của ông Đ đã xảy ra trận hỏa hoạn làm cháy nhiều căn nhà trong đó có nhà của ông Đ nên các giấy tờ mua nhà cũng bị cháy. UBND tỉnh Bình Định thì cho rằng: Năm 1965 ông Nguyễn Văn T làm ăn thua lỗ nên bỏ vào Miền Nam, giao lại ngôi nhà cho ông Trần Đ (cha của ông Trần Xuân D) là người làm công quản lý. Năm 1976 ông Đ giao lại cho Hợp tác xã xây dựng X quản lý 2 căn phòng diện tích 76,05m², ông Đ sử dụng phòng còn lại diện tích 24,4m² (BL 93). Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình quản lý và sử dụng căn nhà số 55/12 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình định thì có cơ sở để khẳng định ngôi nhà này nguyên là của ông Nguyễn Văn T, ông Trần Xuân D cho rằng ngôi nhà này ông Trần Đ (bố của ông D) mua lại của ông Nguyễn Văn T nhưng ông D không xuất trình được giấy tờ gì chứng minh cho việc mua bán nói trên.

Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo Xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 quy định:

“Đối với nhà đất đã có văn bản quản lý theo quy định của các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 của cơ quan nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng nhà đất đó thì giải quyết như sau:

1. Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng có các giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng dưới đây thì Nhà nước không tiếp tục thực hiện việc quản lý theo văn bản quản lý trước đây và người đang trực tiếp sử dụng được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật:

a) Người là chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý;

b) Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

c) Người mua, nhận tặng cho, chuyển đổi nhà đất ngay tình;

d) Người thừa kế hợp pháp của một trong những người quy định tại các điểm a, b, c khoản này;

đ) Người được các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này uỷ quyền quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật tại thời điểm uỷ quyền;

2. Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng là người thuê, mượn, ở nhờ từ trước khi Nhà nước có văn bản quản lý hoặc người đang trực tiếp sử dụng nhưng không có giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân. Người đang trực tiếp sử dụng được tiếp tục sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định về sử dụng nhà đất thuộc sở hữu toàn dân.”

[1.2]. Đối chiếu với quy định trên đây thì trường hợp này ông Trần Đ là người sử dụng nhà không có các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 5 nên Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định căn cứ khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 để ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 để xác lập sở hữu nhà nước đối với 2 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X (nay là số 55/12 đường N, phường T, thành phố Q) đã quản lý và sử dụng trước đây là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật đã trích dẫn ở trên. Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cũng phù hợp với Quyết định số 1168/QĐ-BXD ngày 16/7/2004 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Xuân D đối với Quyết định số 3197/QĐ-UB ngày 20/9/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trước đây.

[2]. Bản án hành chính sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của ông Trần Xuân D về việc hủy Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L kháng cáo yêu cầu được xem xét lại quyết định của Bản án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Do bị bác đơn kháng cáo nên ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Áp dụng Điều 3, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân D về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc xác lập sở hữu toàn dân đối với 02 phòng của ngôi nhà Hợp tác xã X tại số đường N, thành phố Q.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Xuân D và bà Đỗ Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai số 08014 và số 08013 ngày 07/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2017/HC-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến